



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,141,233,872,374	844,892,330,076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	97,374,138,755	23,826,565,603
1. Tiền	111		34,374,138,755	23,826,565,603
2. Các khoản tương đương tiền	112		63,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		39,053,480,040	14,100,155,040
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4	6,439,841,340	6,439,841,340
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(2,736,361,300)	(2,689,686,300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35,350,000,000	10,350,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		421,101,887,288	351,505,050,480
1. Phải thu của khách hàng	131		20,566,658,993	21,532,075,822
2. Trả trước cho người bán	132		71,778,939,697	35,824,362,526
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		25,128,500,000	678,500,000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	305,241,265,693	295,083,589,227
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1,613,477,095)	(1,613,477,095)
IV. Hàng tồn kho	140		577,569,549,849	446,429,603,358
1. Hàng tồn kho	141		577,569,549,849	446,429,603,358
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,134,816,442	9,030,955,595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2,530,745	2,530,745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	6,132,285,697	9,028,424,850
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		517,211,942,836	478,167,457,385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		67,702,500,000	67,702,500,000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	67,702,500,000	67,702,500,000
II. Tài sản cố định	220		2,065,318,287	1,992,326,478
1. TSCĐ hữu hình	221	9	2,031,707,177	1,940,382,034
- Nguyên giá	222		2,872,493,604	2,594,911,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(840,786,427)	(654,529,181)
3. TSCĐ vô hình	227	10	33,611,110	51,944,444
- Nguyên giá	228		162,888,000	162,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(129,276,890)	(110,943,556)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		76,369,222,108	76,369,222,108
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		76,369,222,108	76,369,222,108
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		332,405,360,578	330,486,236,491
1. Đầu tư vào Công ty con	251	12	331,540,484,473	330,486,236,491
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	864,876,105	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38,669,541,863	1,617,172,308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	38,669,541,863	1,617,172,308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,658,445,815,210	1,323,059,787,461

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/06/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,248,615,959,256	937,490,816,729
I. Nợ ngắn hạn	310		979,787,462,136	747,536,918,527
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311		14,838,245,818	10,275,317,518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		195,553,053,144	4,896,246,100
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313		2,554,782,279	540,218,068
4. Phải trả người lao động	314	15	2,400,430,469	1,564,845,428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10,585,434,749	9,073,991,447
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	270,920,073,309	173,494,011,263
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		482,845,402,472	547,604,702,807
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		90,039,896	87,585,896
II. Nợ dài hạn	330		268,828,497,120	189,953,898,202
7. Phải trả dài hạn khác	337		45,316,546,500	42,916,546,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		223,511,950,620	147,037,351,702
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		409,829,855,954	385,568,970,732
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	409,829,855,954	385,568,970,732
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364,000,000,000	364,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364,000,000,000	364,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,144,781,818	46,144,781,818
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9,481,291,820)	(9,481,291,820)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,293,626,226	1,293,626,226
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,872,739,730	(16,388,145,492)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tru	421a		(16,388,145,492)	(22,706,948,545)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24,260,885,222	6,318,803,053
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,658,445,815,210	1,323,059,787,461

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HÙNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2019

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND			
			Quý II năm 2019	Quý II năm 2018	Lũy kế đến quý II năm 2018	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	2,941,921,827	6,910,926,158	2,992,704,079	8,278,235,423
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10		2,941,921,827	6,910,926,158	2,992,704,079	8,278,235,423
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1,843,337,526	3,532,656,132	1,843,337,526	4,802,730,862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		1,098,584,301	3,378,270,026	1,149,366,553	3,475,504,561
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	12,787,823,438	38,524,738	43,028,336,405	126,230,879
7. Chi phí tài chính	22	21	1,713,584,960	249,820,850	1,811,527,152	564,229,886
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1,666,909,960	249,820,850	1,666,909,960	545,850,540
8. Chi phí bán hàng	24		255,655,000	22,968,750	524,824,091	52,968,750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	8,712,327,580	4,715,631,147	18,245,698,414	2,280,235,020
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,204,840,199	(1,571,625,983)	23,595,653,301	704,301,784
11. Thu nhập khác	31	23	723,636,996	15,000,000	812,084,693	15,000,000
12. Chi phí khác	32	24	146,852,772	97,611,049	146,852,772	406,285,394
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		576,784,224	(82,611,049)	665,231,921	(391,285,394)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,781,624,423	(1,654,237,032)	24,260,885,222	313,016,390
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,781,624,423	(1,654,237,032)	24,260,885,222	313,016,390
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	104	(45)	104	104

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG




NGUYỄN HOÀI GIANG


PHẠM DUY HÙNG

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đến Quý II năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đến Quý II năm 2019	Đến Quý II năm 2018
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		24,260,885,222	313,016,408
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
	- Khấu hao TSCĐ	02		204,590,580	46,724,862
	- Các khoản dự phòng	03		46,675,000	(6,637,306,966)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,113,565,858)	(3,601,735,458)
	- Chi phí lãi vay	06		1,642,485,514	545,850,540
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		24,041,070,458	(9,333,450,614)
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(66,118,295,660)	(12,804,722,689)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(131,139,946,491)	(123,563,457,729)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		299,653,824,079	6,715,645,741
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(37,052,369,555)	(261,249,605)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	18,379,346
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,094,902,500)	(545,850,540)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(794,017,149)	-
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8,254,000	15,000,000
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5,800,000)	(406,285,394)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		87,497,817,182	(140,165,991,484)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn kh	21		(277,582,389)	(7,449,739,473)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25,000,000,000)	(5,900,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	14,700,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,919,124,087)	(334,270,378)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		1,531,163,863	126,230,897
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(25,665,542,613)	1,142,221,046
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		252,465,320,870	174,971,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(240,750,022,287)	(19,882,248,968)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		11,715,298,583	155,088,751,032
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		73,547,573,152	16,064,980,594
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23,826,565,603	20,654,158,643
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	3	97,374,138,755	36,719,139,237

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN HOÀI GIANG

P.TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Dubai	Đường Yên Ninh, P. Mỹ Hải Phan Rang, Tháp Chàm, NT		55%	55%	55%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 141 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	730.980.480	33.821.012
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.643.158.275	23.792.744.591
Các khoản tương đương tiền	-	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	-
Cộng	<u>34.374.138.755</u>	<u>23.826.565.603</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTIM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu	6.243.865.000	(2.736.361.300)	6.243.865.000	(2.689.686.300)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	2.987.200.000	(2.735.155.000)	2.987.200.000	(2.688.480.000)
Các cổ phiếu khác (chưa niêm yết)	3.256.665.000	(1.206.300)	3.256.665.000	(1.206.300)
Các khoản đầu tư khác	195.976.340	-	195.976.340	-
Ủy thác đầu tư	195.976.340	-	195.976.340	-
Cộng	6.439.841.340	(2.736.361.300)	6.439.841.340	(2.689.686.300)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	2.689.686.300
Trích lập dự phòng bổ sung	46.675.000
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	2.736.361.300

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 năm trở xuống.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	331.540.484.473		330.486.236.491	
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh ^(a)	56.216.634.125		56.216.634.125	
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế ^(b)	168.980.000.000		168.980.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam ^(c)	33.476.000		30.569.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên ^(d)	15.650.374.348		15.259.033.366	
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô ^(e)	90.000.000.000		90.000.000.000	
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Dubai	660.000.000			
Đầu tư dài hạn khác	864.876.105		-	
Góp vốn vào Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	864.876.105			
Cộng	332.405.360.578		330.486.236.491	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2300558864 thay đổi lần thứ 5, ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 56.216.634.125 VND, tương đương 100% vốn thực góp (số đầu năm là 15.216.634.125 VND, tương đương 100% vốn thực góp). Đến ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh chưa thay đổi đăng ký kinh doanh theo số vốn thực góp.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301232560 thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thừa Thiên – Huế cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Apec Land Huế 168.980.000.000 VND, tương đương 99,99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ theo cam kết.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700609397 ngày 30 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 3.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 27.569.000 VND, tương đương 100% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Hà Nam là 98.972.431.000 VND.
- (d) Theo Đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4601240821 ngày 27 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên 99.000.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 795.273.456 VND dưới hình thức chuyển tiền thanh toán các khoản chi phí hộ Công ty con. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư được 14.242.697.508 VND, tương đương 100% vốn thực góp. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Apec Túc Duyên là 84.757.302.492 VND.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3301579393 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô có vốn điều lệ là 100.000.000.000 VND, trong đó Công ty cam kết đầu tư là 90.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 90.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	-		
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		20.566.658.993	21.532.075.822		
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam		17.117.678.434	18.083.095.263		
Các khách hàng khác		3.448.980.559	3.448.980.559		
Cộng		20.566.658.993	21.532.075.822		
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn					
		Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		55.931.398.793	22.104.550.906		
Công ty CP chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương		3.238.885	104.550.906		
Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam		55.928.159.908	22.000.000.000		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		15.847.540.904	13.719.811.620		
Cty TNHH đầu tư TM& DV Hưng Anh		-	1.218.125.540		
Các nhà cung cấp khác		15.847.540.904	12.501.686.080		
Cộng		71.778.939.697	35.824.362.526		
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn					
		25.128.500.000	678.500.000		
Công ty CP chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương		678.500.000	678.500.000		
Công Ty Cổ phần Đầu tư BG Group		24.450.000.000	-		
Cộng		25.128.500.000	678.500.000		
5. Phải thu ngắn hạn khác					
		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		335.323.750	-	2.439.315.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh		335.323.750	-	2.309.315.000	-
Ông Phạm Duy Hưng		-	-	130.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		304.905.941.943	(1.400.000.000)	292.644.274.227	(1.400.000.000)
Công ty CP APEC Thái Nguyên - Chi hộ dự án số 5 Túc Duyên		43.214.974.027	-	43.214.974.027	-
Phải thu về tiền chuyển nhượng cổ phần Công Ty APEC Thái Nguyên		57.075.000.000	-	57.075.000.000	-
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ sơn		6.752.078.000	-	6.752.078.000	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn		-	-	324.780.137	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.630.778.582	-	1.630.778.582	-
Tạm ứng		147.164.274.222	-	137.724.728.825	-
Các khoản phải thu ngắn		49.068.837.112	(1.400.000.000)	45.921.934.656	(1.400.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
hạn khác				
Cộng	305.241.265.693	(1.400.000.000)	295.083.589.227	(1.400.000.000)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.613.477.095		1.613.477.095	
Phải thu tiền bán hàng	213.477.095	-	213.477.095	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	110.000.000	-	110.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Tuấn	5.000.000	-	5.000.000	-
Takaaki Iwai	98.477.095	-	98.477.095	-
Phải thu cá nhân tiền ứng phục vụ dự án	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Ông Ngô Thanh Hải	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
Cộng	1.613.477.095	-	1.613.477.095	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	1.613.477.095
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	1.613.477.095

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	577.569.549.849		446.429.603.358	
Cộng	577.569.549.849		446.429.603.358	

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Mandala Phú Yên	203,582,074,868	171,871,665,543
Dự án Khu công nghiệp Đa Hội	145,358,483,588	137,396,397,172
Dự án Aqua Park Bắc Giang	155,597,294,115	123,954,658,340
Dự án Lạng Sơn	69,283,198,438	10,200,000,000
Dự án khu đô thị số 5 Phường Túc Duyên	1,040,406,335	1,040,406,335

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Dự án khác	2,708,092,505	1,966,475,968
Cộng	<u>577,569,549,849</u>	<u>446,429,603,358</u>

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.530.745	2.530.745
Cộng	<u>2.530.745</u>	<u>2.530.745</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.445.878.566	592.633.562
Chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao	36.440.406.779	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	783.256.518	1.024.538.746
Cộng	<u>38.669.541.863</u>	<u>1.617.172.308</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.376.659.000	218.252.215	2.594.911.215
Mua trong kỳ		277.582.389	277.582.389
Số cuối kỳ	<u>2.376.659.000</u>	<u>495.834.604</u>	<u>2.872.493.604</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	595.421.086	59.108.095	654.529.181
Khấu hao trong kỳ	104.122.643	82.134.603	186.257.246
Số cuối kỳ	<u>699.543.729</u>	<u>141.242.698</u>	<u>840.786.427</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.781.237.914	159.144.120	1.940.382.034
Số cuối kỳ	<u>1.677.115.271</u>	<u>354.591.906</u>	<u>2.031.707.177</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

10. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Là chương trình phần mềm, nguyên giá 162.888.000, đã khấu hao lũy kế đến cuối năm trước là 110.943.556, khấu hao trong kỳ là 18.333.334.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	76.369.222.108			76.369.222.108
Xây dựng cơ bản dở dang	10.356.365.627			10.356.365.627
<i>Khu công nghiệp Đa Hội</i>	57.912.555.062			57.912.555.062
<i>Trung tâm thương mại Thái Nguyên</i>	5.605.810.607			5.605.810.607
<i>Dự án Quản lý Chợ Tam Đa</i>	1.128.806.976			1.128.806.976
<i>Thành Phố Công nghệ Cao Hà Nam</i>	1.365.683.836			1.365.683.836
<i>Các dự án khác</i>	76.369.222.108			76.369.222.108
Cộng	76.369.222.108			76.369.222.108

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	14.838.245.818	10.275.317.518
Công ty CP ĐT Bất động sản Everest VN	1.413.082.919	-
Công ty CPĐT và XD số 3 - ICIC	766.160.281	1.149.931.900
Công ty CP Xây dựng và TM Vimexco Hà Nội	1.020.947.330	2.086.434.930
Cty TNHH đầu tư TM& DV Hưng Anh	326.662.335	1.482.224.524
Các nhà cung cấp khác	11.311.392.953	5.556.726.164
Cộng	14.838.245.818	10.275.317.518

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	195.553.053.144	4.896.246.100
CT TNHH đầu tư TM và dịch vụ Hưng Anh	2.447.200.000	4.369.498.600
Trả trước của các khách hàng mua bất động sản	192.579.105.644	-
Các khách hàng khác	526.747.500	526.747.500
Cộng	195.553.053.144	4.896.246.100

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	518.646.252	(259.323.126)	259.323.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.114.358	-	-	389.114.358
Thuế TNDN tạm nộp 1% của bất động sản		1.929.946.327	(794.017.149)	1.135.929.178
Thuế thu nhập cá nhân	151.103.710	2.048.571.517	(1.429.259.610)	770.415.617
Tiền thuế đất	-	542.809.785	(542.809.785)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Cửa năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Các loại thuế khác	-	26.010.000	(26.010.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	540.218.068	5.065.983.881	(3.051.419.670)	2.554.782.279

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.260.885.222	29.887.186.412
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	76.852.768	406.285.394
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	-	-
Các khoản phạt hành chính	-	138.860.394
Chi phí không hợp lệ khác	-	267.425.000
Khoản phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	76.852.768	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	24.337.737.990	30.293.471.806
Thu nhập được miễn thuế	(40.914.770.547)	(28.826.156.845)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(16.577.032.557)	1.467.314.961
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	293.462.992

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTMM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.585.434.749	9.073.991.447
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn cho thuê lại đất tại KCN Đa Hội	9.878.976.292	8.261.906.262
Trích trước chi phí hoạt động	136.960.300	790.170.042
Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	559.778.885	12.195.871
Chi phí phải trả khác	9.719.272	9.719.272
Cộng	<u>10.585.434.749</u>	<u>9.73.991.447</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác*Phải trả ngắn hạn khác*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	270.920.073.309	173.494.011.263
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	357.991.411	196.243.591
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Manala Phú Yên	161.621.329.459	55.179.437.000
Nhận tiền góp vốn của Công ty CP BĐS An Phát Land vào Dự án Khu đô thị Số 5 Phường Túc Duyên	49.002.703.310	50.102.703.310
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án TTMM Thái Nguyên	39.585.375.450	28.350.023.450
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Aquapark Bắc Giang	2.757.601.179	12.021.289.568
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án KCN Đa Hội - Bắc Ninh	7.455.393.476	8.021.193.476
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	10.139.679.024	19.623.120.868
Cộng	<u>270.920.073.309</u>	<u>173.494.011.263</u>

Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ của Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land để thực hiện phân phối Dự án Khu đô thị số 5 phường Túc Duyên.

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

17. Vay ngắn hạn/dài hạn*Vay ngắn hạn*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	404.104.758.460	479.106.185.255
Công ty TNHH đầu tư châu á Thái Bình Dương Bắc Ninh không tính lãi	110.914.962.466	262.081.352.990
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô không tính lãi	89.739.835.100	89.739.835.100
Công ty Cổ phần APEC land Huế không tính lãi	203.449.960.894	127.284.997.165
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	78.740.644.012	68.498.517.552
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên (không tính lãi)</i>	11.500.990.000	11.500.990.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	<u>67.239.654.012</u>	<u>56.997.527.552</u>
Cộng	<u>482.845.402.472</u>	<u>547.604.702.807</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	479.106.185.255	120.323.343.752		(195.324.770.547)	404.104.758.460
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	11.500.990.000	-	-	-	11.500.990.000
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>56.997.527.552</u>	-	<u>29.036.938.460</u>	<u>(18.794.812.000)</u>	<u>67.239.654.012</u>
Cộng	<u>547.604.702.807</u>	<u>120.323.343.752</u>	<u>29.036.938.460</u>	<u>(173.204.812.000)</u>	<u>482.845.402.472</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	223.511.950.620	147.037.351.702
Vay dài hạn ngân hàng	195.981.950.620	147.037.351.702
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Đồng Đa	40.474.161.540	-
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình	139.655.085.677	127.221.472.448
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	15.852.703.403	19.815.879.254
Trái phiếu thường dài hạn (v)	<u>27.530.000.000</u>	-
Cộng	<u>223.511.950.620</u>	<u>147.037.351.702</u>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	67.239.654.012	56.997.527.552
Trên 1 năm đến 5 năm	223.511.950.620	147.037.351.702
Trên 5 năm	-	-
Cộng	<u>290.751.604.632</u>	<u>204.034.879.254</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	147.037.351.702	81.944.713.229	(3.963.175.851)	(29.036.938.460)	195.981.950.620
Trái phiếu thường	-	50.197.263.889	(22.667.263.889)	-	27.530.000.000
Cộng	<u>147.037.351.702</u>	<u>132.141.977.118</u>	<u>(26.630.439.740)</u>	<u>(29.036.938.460)</u>	<u>223.511.950.620</u>

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	87.585.896	-	8.254.000	(5.800.000)	90.039.896

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	(22.706.948.545)	379.250.167.679
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	29.593.723.420	29.593.723.420
Số dư cuối kỳ trước	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	6.886.774.875	408.843.891.099
Số dư đầu năm nay	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	(16.388.145.492)	385.568.970.732
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	24.260.885.222	24.260.885.222
Số dư cuối kỳ này	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	7.872.739.730	409.829.855.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.400.000	36.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.400.000	36.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.400.000	35.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****i. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa		1.320.815.298
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.794.979	99.692.852
Doanh thu cho thuê lại đất	<u>2.880.909.100</u>	<u>6.857.727.273</u>
Cộng	<u>2.992.704.079</u>	<u>8.278.235.423</u>

ii. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

iii. Thông tin bổ sung về doanh thu cho thuê tài sản

Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê đất một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước cho các hợp đồng thuê đáp ứng các điều kiện tại thuyết minh số IV.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019

Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

b. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.270.074.709
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	226.267.496	-
Giá vốn cho thuê lại đất	1.617.070.030	3.382.868.660
Cộng	1.843.337.526	4.652.943.369

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.113.565.858	415.443.034
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.914.770.547	28.826.156.845
Cộng	43.028.336.405	29.241.599.879

d. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	1.642.485.514	152.288.345
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	46.675.000	10.541.300
Chi phí tài chính khác	122.366.638	18.379.346
Cộng	1.811.527.152	181.208.991

e. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	524.824.091	52.968.750
Cộng	524.824.091	52.968.750

f. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.252.033.081	7.006.516.714
Chi phí vật liệu quản lý	335.378.275	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.017.227	-
Thuế, phí và lệ phí	84.275.973	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.637.306.996)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.854.430.289	694.854.548
Các chi phí khác	504.563.569	1.290.178.120
Cộng	18.245.698.414	2.354.242.386

g. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3 TTTM Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2.2019


Của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019

Người lập biểu

Quyền kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Hoài Giang


Nguyễn Hoài Giang


Phạm Duy Hưng

